

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2019.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hằng

Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: xã H Thạnh, huyện T, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Trịnh Hoàng T, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018, biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019, biên bản hòa giải ngày 25/01/2019 và ngày 26/02/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thúy A trình bày:

Chị và anh T cưới nhau do người lớn quen biết mai mối, tổ chức đám cưới

vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã B vào ngày 06/01/2014. Chị và anh T sống hạnh phúc đến tháng 11/2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị phát hiện anh T quen với người phụ nữ khác và anh T cũng thừa nhận nêu lý do là vì chị A sống ở nhà cha mẹ ruột, không chịu về nhà cha mẹ chồng sống. Vì thế vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên khi sinh con xong được một tháng thì chị về nhà cha mẹ sống và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ ngày 21/11/2014 đến nay anh T đã bỏ đi làm ăn xa không có về nhà, không biết địa chỉ nơi làm việc và không thể liên lạc được với anh T. Trong thời gian chung sống chị và anh T có tạo được: Con chung tên Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 21/10/2014 hiện đang sống với chị A; Tài sản chung không có; Nợ chung không có nợ ai và cũng không ai nợ lại

Ngày 11/4/2018 chị có nộp đơn yêu cầu tuyên bố anh Trịnh Hoàng T mất tích đã được Tòa án huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết, chị có đăng tin tìm kiếm anh T trên báo Lao động và Đài phát thanh và truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng anh T vẫn không về, Tòa án huyện Thanh Bình ra Quyết định số: 02/2018/QĐDS-ST ngày 15/10/2018 tuyên bố anh Trịnh Hoàng T mất tích.

Nay chị Trần Thị Thúy A yêu cầu: Yêu cầu ly hôn với anh T, con chung yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 21/10/2014, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Hoàng T đã bị Tòa án huyện tuyên bố mất tích, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, anh T không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Thúy A trình bày: Sau khi kết hôn chị và anh T sống chung nhà với cha mẹ chồng tại xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, lúc đầu chị có mâu thuẫn với cha mẹ chồng do không cho chị làm nghề uống tóc, đến khi chị mang bầu và sinh con, chị xin cha mẹ chồng cho về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cha mẹ chồng nói nếu đi thì đi luôn không cho chị về lại, anh T không có đi theo chị về nhà cha mẹ ruột chị sống. Từ lúc ly thân đến nay anh T không có tới lui thăm con, chị cũng không có gặp mặt anh T để hàn gắn tình cảm và hiện nay không biết anh T đi đâu và làm gì, chị đã yêu cầu tòa án tuyên bố anh T mất tích. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng A1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình,.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thúy A đối với anh Trịnh Hoàng T, con chung tiếp tục giao cháu Trịnh Hoàng A1 cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành, anh T không có cấp dưỡng cho con do chị A không có yêu cầu, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về pháp luật tố tụng:** Tại phiên tòa hôm nay anh Trịnh Hoàng T vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh T đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do, anh T đã được tòa án tuyên bố mất tích, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị A và anh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân, sau đó anh T bỏ đi và biệt tích đến nay, chị A cũng đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] **Về con chung:** Anh chị có 01 người con tên Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 21/10/2014 hiện nay đang sống với chị A, từ lúc sinh ra cho đến nay cháu Hoàng A1 sống chung với chị A, hiện nay cháu được 05 tuổi nên tiếp tục giao cháu Hoàng A1 cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành là phù hợp với khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng cho cháu Hoàng A1, do chị A không có yêu cầu cấp dưỡng cho con, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Không có nợ ai và cũng không ai nợ lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Trần Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thúy A đối với anh Trịnh Hoàng T, cho chị Trần Thị Thúy A ly hôn với anh Trịnh Hoàng T.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Trần Thị Thúy A đối với anh Trịnh Hoàng T.

Tiếp tục giao cháu Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 21/10/2014 cho chị Trần Thị Thúy A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Hoàng T không phải cấp dưỡng cho cháu Hoàng A1 do chị Thúy A không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh T.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị Thúy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Thúy A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017- 0004467 ngày 10/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị A không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Công Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã Bình T, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ

